UỶ BAN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
XÃ IA LE	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 16 /BC-UBND	*Ia Le, ngày 09 tháng 02 năm 2022*

BÁO CÁO

Kết quả sản xuất trồng trọt vụ Đông xuân năm 2021 - 2022 trên địa bàn xã Ia Le

Căn cứ Quyết định số: 169/QĐ-UBND ngày 14/12/2021 của UBND huyện Chư Pưh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân 2021-2022 trên địa bàn huyện. Uỷ ban nhân dân xã Ia Le báo cáo kết quả sản xuất trồng trọt vụ Đông xuân 2021 – 2022 trên địa bàn xã cụ thể như sau:

1. Tình hình và kết quả sản xuất vụ Đông xuân 2019 - 2020

1.1. Công tác chỉ đạo, điều hành:

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy xã, UBND xã đã ban hành kế hoạch, hướng dẫn lịch thời vụ làm đất, gieo trồng vụ Đông xuân; hướng dẫn nhân dân nạo vét kênh mương để đảm bảo nước tưới; thường xuyên kiểm tra tiến độ gieo trồng để tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các thôn, làng để thực hiện hiệu quả công tác sản xuất vụ Đông xuân; chủ động phối hợp với các ngành chuyên môn của huyện điều tiết nước phục vụ công tác chống hạn trên địa bàn.

1.2. Kết quả thực hiện sản xuất vụ Đông xuân:

- Tính đến thời diểm hiện tại, toàn xã đã gieo trồng vụ Đông xuân 2021 - 2022 là 178,5/178,5 ha đạt 100% KH. Trong đó cây lương thực 40 ha đạt 100% KH; cây có củ 16 ha đạt 100% KH; cây thực phẩm 98,5 ha đạt 100% KH; cây trồng khác 24 ha đạt 100% KH.

(Có chi tiết kèm theo)

- Cơ cấu giống cây trồng trong vụ Đông xuân 2021 - 2022: Giống lúa chủ yếu dân sử dụng nhiều là giống HT1, OM4900, DV 108, ML54; Giống khoai nhật.

1.3. Tình hình mực nước tại công trình thủy lợi:

Tính đến ngày 09/2/2022, mực nước tại kênh mương đập tràn Ia Blứ 4 mực nước trong kênh tưới là 15cm đến 20cm, tình hình tại các suối, mạch nước rỉ vẫn còn nước tưới cho diện tích tưới lúa trong khu vực tước. Hiện tại giếng đào và mực nước ngầm chưa có hiện tượng thiếu nước.

2. Những thuận lợi, khó khăn và đề xuất, kiến nghị trong sản xuất vụ Đông xuân 2021 - 2022:

Thuận lợi:

Được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của UBND huyện, Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, Đảng ủy xã, UBND xã đã triển khai nhiều giải pháp như bố trí cơ cấu

cây trồng, thời vụ hợp lý, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất,… nhằm đẩy mạnh sản xuất, tăng giá trị trên đơn vị diện tích canh tác, triển khai kế hoạch sản xuất vụ Đông xuân và ban hành các văn bản hướng dẫn các thôn, làng triển khai thực hiện.

Khó khăn:

Một số hộ DTTS còn ỷ lại nhà nước, lao động sản xuất còn lạc hậu chưa áp dụng vào khoa học kỹ thuật nên việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa thường xuyên thiếu nước còn chậm, hiệu quả chưa cao.

Đề xuất và kiến nghị:

- Đề nghị UBND huyện và phòng NN &PTNT huyện tổ chức mở lớp tập huấn hướng dẫn kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh trên, cây lúa, cây cam, hồ tiêu, cà phê....

- Đề nghị UBND huyện hỗ trợ kinh phí công tác chống hạn vụ đông xuân năm 2021-2022.

- Tổ chức tham quan mô hình hay, đẹp có hiệu quả.

Trên đây là báo cáo kết quả sản xuất trồng trọt vụ Đông xuân 2021 - 2022 trên địa bàn xã Ia Le, UBND xã báo cáo UBND huyện, Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:
- UBND huyện Chư Pưh(B/c);
- Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện (B/c);
- Đảng ủy xã;
- TT UBND xã;
- Lưu VP./.

TM. UỶ BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Thanh Việt

TIẾN ĐỘ SẢN XUẤT VỤ ĐÔNG XUÂN 2020-2021 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ

(Kèm theo Báo cáo số : 16 /BC-NN ngày 09 tháng 02 năm 2022 của UBND xã Ia Le)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH Vụ ĐX 2020-2021	Kế hoạch huyện 2021-2022	Kế hoạch xã 2021-2022	Thực hiện Toàn xã	% so với KH huyện	% so với cùng kỳ 2021
A	**Trồng trọt**							
	Tổng DT gieo trồng	**Ha**	**186,5**	**178,5**	**178,5**	**178,5**	**100,00**	95,71
	Tổng SLLT	**Tấn**	**200,0**	**200,0**	**200,0**	**0,0**	**0,00**	0,00
	Trong đó: Thóc	*"*	*200,0*	*200,0*	*200,0*	*0,0*	0,00	0,00
I	**Cây lương thực**		**40,0**	**40,0**	**40,0**	**40,0**	**100,0**	100,00
1	***Lúa Đông xuân***	*Ha*	***40,0***	***40,0***	***40,0***	***40,0***	**100,0**	100,00
	Năng suất	Tạ/ha	50,0	50,0	50,0		0,00	0,00
	Sản lượng	Tấn	200	200	200	0	0,00	0,00
II	**Cây tinh bột có củ**	**Ha**	**16,0**	**16,0**	**16,0**	**16,0**	**100,00**	100,00
1,0	***Khoai các loại***	*Ha*	***16,0***	***16,0***	***16,0***	***16,0***	**100,00**	100,00
	Năng suất	Tạ/ha	95,6	95,6	95,6		0,00	0,00
	Sản lượng	Tấn	153,0	153,0	153,0	0,0	0,00	0,00
III	**Cây thực phẩm**	**Ha**	**98,5**	**98,5**	**98,5**	**98,5**	**100,00**	100,00
1	***Đậu các loại***	***Ha***	***17,5***	***17,5***	***17,5***	***17,5***	**100,00**	100,00
	Năng suất	Tạ/ha	7,4	7,4	7,4		0,00	0,00
	Sản lượng	Tấn	12,9	13	13	0,0	0,00	0,00
2	***Rau các loại***	Ha	***81,0***	***81,0***	***81,0***	***81,0***	**100,00**	100,00
	Năng suất	Tạ/ha	131,0	131,0	131,0		0,00	0,00
	Sản lượng	Tấn	1.061,1	1.061,1	1.061,1	0,0	0,00	0,00

IV	**Cây trồng khác**		**32,0**	**24,0**	**24,0**	**24,0**	**100,0**	75,00
1	***Dưa hấu***	**Ha**	***10,0***	***2,0***	***2,0***	***2,0***	**100,0**	20,00
	Năng suất	Tạ/ha	245,0	245,5	245,5	245,0	99,80	100,00
	sản lượng	Tấn	245,0	49,1	49,1	49,0	99,80	20,00
2	***Cỏ chăn nuôi***	**Ha**	***20,0***	***20,0***	***20,0***	***20,0***	**100,0**	100,00
	Năng suất	Tạ/ha	1.510,4	1.510,4	1.510,4		0,00	0,00
	sản lượng	Tấn	3.020,8	3.020,8	3.020,8	0,0	0,00	0,00
3	***Cây ớt***	**Ha**	***2,0***	***2,0***	***2,0***	***2,0***	**100,0**	100,00
	Năng suất	Tạ/ha	119,7	119,7	119,7	119,7	100,00	100,00
	sản lượng	Tấn	23,9	23,9	23,9	23,9	100,00	100,00